

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 05 - 3 - 2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Lâm

Ông Lâm Hồng Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Mai Thị Sầu R, sinh năm 1984 (có mặt).

Trú tại: Ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Trú tại: ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Về yêu cầu, lời trình bày và ý kiến của đương sự:**

Nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/11/2020, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 30/11/2020 thể hiện như sau: Bà và ông D sau một thời gian tìm hiểu và đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông D tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh T ngày 30/6/2008. Sau khi cưới bà và ông D về sinh sống tại ấp N, xã Th cho đến nay. Bà và ông D có 02 con chung tên Lê Văn M1, sinh ngày 18/4/2008 và Lê Ngọc V1, sinh ngày 13/10/2012.

Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà không được hạnh phúc vì ông D không lo đi làm để tạo thu nhập cho gia đình, ông D còn thường xuyên cờ bạc (chơi đá gà) và đối xử không tốt với vợ, con; Vợ chồng bà không đồng quan điểm sống, thường xuyên gây cãi với nhau, ông D còn có hành vi bạo lực với bà. Bà đã khuyên ông D nhiều lần và có lần nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu ly hôn, ông D hứa sẽ khắc phục những khuyết điểm nêu trên vì vậy bà đã rút đơn và tiếp tục chung sống với ông D. Cách nay 08 tháng, bà và ông D đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian gần đây gia đình ông D có khuyên vợ chồng bà về đoàn tụ nhưng ông D không hứa sẽ thay đổi tính tình. Bà cũng không còn tình cảm với ông D, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D, yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông D không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông D trình bày: Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà R nhưng không đồng ý ly hôn vì ông thương vợ con. Trường hợp Tòa án giải quyết buộc ông và bà R ly hôn thì con chung ở với ai người đó sẽ nuôi, các bên không cấp dưỡng nuôi con.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự chưa chấp hành đúng quy định như nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, còn bị đơn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Nội dung vụ án: Bà R và ông D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Quá trình giải quyết vụ án, ông D thống nhất với bà R về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông D không đồng ý ly hôn vì lý do thương vợ, thương con nhưng ông D không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 08 tháng nay nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ; Con chung cháu M1 và cháu V1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ, bà R có yêu cầu được nuôi con chung; Bà R và ông D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà R, bà R được ly hôn với ông D, giao con chung cho bà R nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà R yêu cầu ly hôn với ông D và yêu cầu nuôi con chung, ông D có nơi cư trú tại ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà R và ông D là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh T vào ngày 30/6/2008 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp nên nay bà R yêu cầu ly hôn thì căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Bà R và ông D đã sống ly thân khoảng 08 tháng nay, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng bà R về đoàn tụ nhưng kết quả không thành và ông D cũng không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa ông D cũng không tham dự, như vậy ông D đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn của mình. Tại phiên tòa bà R cũng xác định đã không còn tình cảm với ông D, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà R và ông D xác định có 02 con chung tên Lê Văn M1 và Lê Ngọc V1, bà R yêu cầu được nuôi con chung còn ông D thì có ý kiến giải quyết theo nguyện vọng của các con; Các con của bà R và ông D đều trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà R; Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 13/01/2021 tại ấp N, xã Th thì bà R làm nghề mua bán, có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho các cháu phát triển về mọi mặt. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà R, giao con chung cho bà R trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà R không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà R và ông D đều không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết mà cho rằng sẽ tự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà R.

[6] Về án phí: Do bà R không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà R phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Mai Thị Sầu R.

**Về hôn nhân:** Bà Mai Thị Sầu R được ly hôn với ông Lê Văn D.

**Về con chung:** Giao con chung tên Lê Văn M1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/4/2008 và Lê Ngọc V1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 13/10/2012 cho bà Mai Thị Sầu R trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Mai Thị Sầu R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

**Về án phí:** Bà Mai Thị Sầu R phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Mai Thị Sầu R đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 30/11/2020 theo biên lai thu tiền số 0002772 sang tiền án phí.

Báo cho bà R biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND/x B, C, T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Liễu**

